

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa chị P và anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 2003; Địa chỉ: Xóm 9, thôn V, xã A, huyện N, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Vũ Đức L, sinh năm 2003; Địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Chị P xin vắng mặt; anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01-10-2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Vũ Đức L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16-01-2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Tuy nhiên, trước đó chị P và anh L đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ chị P tại xã A để làm việc. Vợ chồng chung sống hòa thuận

hạnh phúc đến ngày 22-01-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L chơi bời, sử dụng chất kích thích không kiểm soát được bản thân, không có trách nhiệm với vợ con và còn có hành vi bạo lực với chị P. Chị P và gia đình có khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi. Từ ngày 22-01-2024 anh L đã tự bỏ đi, không liên lạc gì với chị P, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị P nhận thấy không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị P làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Hoàng Khánh N, sinh ngày 26/6/2024 hiện nay đang ở cùng chị P. Nay ly hôn chị P đề nghị tiếp tục được nuôi cháu N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Vũ Đức L nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 170/2024/TB-TLVA ngày 24 tháng 10 năm 2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho anh L. Anh L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị P.

Qua xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ tại nơi cư trú của chị P và anh L: Đại diện Ủy ban nhân dân (UBND) xã N cho biết: Anh Vũ Đức L, sinh năm 2003, cư trú tại Xóm 4 T, xã N, huyện Nam Trực có đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị P, sinh năm 2003 vào ngày 16-01-2024 tại UBND xã N, huyện Nam Trực. Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng Khánh N, sinh ngày 26-6-2024 có đăng ký khai sinh tại UBND xã N, huyện N. Nay chị P làm đơn xin ly hôn với anh Vũ Đức L với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Vì theo quy định của pháp luật đương sự nộp đơn trực tiếp đến Tòa án mà không phải thông qua hòa giải cơ sở, do vậy địa phương không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì lý do công việc bận nên chị P có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Vũ Đức L.

Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng Khánh N, sinh ngày 26-6-2024 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Hoàng Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Vũ Đức L là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P, anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị P và anh Vũ Đức L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 16-01-2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do anh L chơi bời, sử dụng chất kích thích không kiểm soát được bản thân, không có trách nhiệm với vợ con và còn có hành vi bạo lực với chị P. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01-2024 cho đến nay. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Vũ Đức L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh L và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh L là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do anh L chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có lần anh L còn bạo lực với chị P nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ tháng 01 năm 2024. Trong

thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã biết việc chị P xin ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh L cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị P. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị P đối với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Vũ Hoàng Khánh N, sinh ngày 26-6-2024 hiện nay đang ở cùng chị P. Nay ly hôn chị P đề nghị tiếp tục được nuôi cháu N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của chị P thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu N sống cùng chị P, anh L không quan tâm chăm sóc con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị P. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã biết được yêu cầu của chị P đề nghị nhận nuôi con chung, tuy nhiên anh không có ý kiến gì. Chị P có đơn trình bày có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, hiện nay chị và cháu N đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị P tại xóm 9, thôn V, xã A, huyện N, tỉnh Nam Định. Bố mẹ đẻ chị P hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con chu đáo. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi con chung của chị P, giao cháu Vũ Hoàng Khánh N cho chị P tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P (do chị P không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Vũ Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng Khánh N, sinh ngày 26-6-2024 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005177 ngày 24-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hùng Trần Xuân Chính

